TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 75/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1998

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị N và anh L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị N và anh L thống nhất giao cháu A, sinh ngày 08/01/2018 cho chị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị N đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết .

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L thống nhất không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí Dân sự về Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị N tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004791 ngày 04 tháng 6 năm 2019, được chuyển thu án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M ;
- Đương sự;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ, tòa.

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Xuyến